

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27-10-2021.

V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Đào;
2. Ông Nguyễn Văn Ninh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Minh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Ngô Anh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phún A U (tên gọi khác: N), sinh năm: 1993.
Địa chỉ cư trú: Tổ 15, khu phố 2, thị trấn B, huyện B, tỉnh ĐN.
Tạm trú: Số 49, ấp Đ, xã T, huyện D, tỉnh TN. Có đơn xin xét xử vắng mặt.
2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm: 1990.
Địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã P, huyện D, tỉnh TN. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 11 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị anh Phún A U trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H quen biết, tìm hiểu và chung sống với nhau vào tháng 10 năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện D, tỉnh TN vào ngày 01-10-2015. Sau khi cưới, anh và chị H chung sống với nhau không hạnh phúc, thường xuyên gây gổ nhau, không tìm được tiếng nói chung. Anh và chị H sống ly thân từ khoảng cuối năm 2015 cho đến nay. Trong thời gian

ly thân hai anh chị cũng không có biện pháp khắc phục hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng. Vì vậy, anh yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc H.

Về con chung: Anh và chị H không có con chung.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

Đối với bị đơn – chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày (Tại Bản tự khai ngày 10-5-2021):

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh U chung sống với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện D, tỉnh TN vào ngày 01-10-2015. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên gây gổ nhau. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống. Chị và anh U sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian ly thân hai anh chị cũng không có biện pháp khắc phục hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nữa nên chị đồng ý ly hôn với anh Phún A U.

Về con chung: Chị và anh U không có con chung.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên Tòa trình bày:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử: Thẩm phán, thư ký thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn anh Phún A U và bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh U, chị H là đúng theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu chưa thấy vấn đề vi phạm tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử theo quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phún A U (tên gọi khác: N), cho anh U được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc H. Về con chung: Anh U, chị H không có con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Anh U, chị H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 anh Phún A U phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Phún A U và chị Nguyễn Thị Ngọc H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh U, chị H theo quy định tại Khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh U và chị H trên cơ sở tự nguyện và đi đến hôn nhân từ năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện D, tỉnh TN vào ngày 01-10-2015 nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình làm việc anh U trình bày mâu thuẫn phát sinh là do trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên gây gổ nhau, nguyên nhân là do không phù hợp về tính tình, không tìm được tiếng nói chung. Tại bản tự khai ngày 10-5-2021, chị H trình bày vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống. Hiện tại hai anh chị đã sống ly thân từ khoảng cuối năm 2015 cho đến nay. Trong thời gian ly thân hai anh chị cũng không có biện pháp khắc phục hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay xét thấy tình trạng vợ chồng giữa anh U, chị H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh U, cho anh U được ly hôn với chị H là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh Phún A U và chị Nguyễn Thị Ngọc H không có con chung.

[4] Về tài sản chung: Anh Phún A U và chị Nguyễn Thị Ngọc H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh Phún A U và chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Phún A U phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phún A U (tên gọi khác: N) với chị Nguyễn Thị Ngọc H.

Anh Phún A U (tên gọi khác: N) được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc H.

2. Về con chung: Anh Phún A U và chị Nguyễn Thị Ngọc H không có con chung.

3. Về tài sản chung: Anh Phún A U và chị Nguyễn Thị Ngọc H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh Phún A U và chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Anh Phún A U phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, khấu trừ tiền tạm ứng án phí anh U đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0012693 ngày 05 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Anh U đã nộp xong tiền án phí hôn nhân sơ thẩm

Chị Nguyễn Thị Ngọc H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Anh U, chị H có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Phòng NVKT.TAT;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THA Gò Dầu;
- UBND xã Thanh Phước, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Vân